

HƯỚNG DẪN ĐIỀN THÔNG TIN

Mẫu

Vui lòng đọc kỹ hướng dẫn dưới đây để điền thông tin vào “Mẫu đơn khai báo đối tượng bảo hiểm hưu trí quốc gia (KOKUMIN NENKIN HIHOKENSHA KANKEI TODOKESHO)”. Thực hiện theo phần điền mẫu **bằng mục đỏ** để điền thông tin cụ thể của ông/bà vào biểu mẫu bằng tiếng Nhật, bằng chữ cái La Mã hoặc số (chữ số Ả Rập). Xin lưu ý rằng nếu biểu mẫu không hoàn thiện hoặc thiếu dữ liệu cần thiết, chúng tôi cần trả lại biểu mẫu của ông/bà và yêu cầu ông/bà nhập dữ liệu bằng tiếng Nhật.

(Trong phần đầu tiên của biểu mẫu báo cáo, ông/bà nêu rõ rằng ông/bà nộp mẫu đơn Hưu trí Quốc gia này (chủ yếu để đăng ký / rút tiền) tới thị trường thành phố của ông/bà hoặc Chủ tịch Dịch vụ Hưu trí Nhật Bản (JPS).)

Điền ngày báo cáo (năm/tháng/ngày) và tên của ông/bà được ghi trong Đăng ký Cư trú Cơ bản kể từ ngày báo cáo.
Khoanh tròn vào số 1, nếu ông/bà trực tiếp điền và nộp đơn

Điền “My Number” (mã số cá nhân của ông/bà ở Nhật Bản)” gồm 12 chữ số hoặc Số hưu trí cơ bản gồm 10 chữ số của ông/bà tại mục ①.
Điền ngày, tháng, năm sinh của ông/bà (năm/tháng/ngày) tại mục ②.
Điền tên của ông/bà tại mục ③.
Khoanh tròn vào giới tính của ông/bà (1. Nam, 2. Nữ) tại mục ④.
Điền mã bưu chính của ông/bà tại mục ⑤ và địa chỉ của ông/bà tại mục ⑦.
Điền số điện thoại của ông/bà để chúng tôi có thể liên hệ tại mục ⑥, và khoanh tròn lựa chọn địa chỉ liên hệ 1. Nhà riêng, 2. Di động, 3. Nơi làm việc hoặc 4. Khác.
Điền quốc tịch của ông/bà tại mục ⑧
Tại mục ⑨, điền tên khác của ông/bà, nếu có, đã được đăng ký trong Đăng ký Cư trú Cơ bản, được biết đến như tên thường gọi của ông/bà.

KOKUMIN NENKIN HIHOKENSHA KANKEI TODOKESHO
国民年金被保険者関係届書 (申出書)

市区町村長 令和 2020 年 10 月 1 日
日本年金機構理事長 へ
以下のとおり届け出 (申し出) ます
氏名: JOHN SMITH
被保険者: ① 本人 ② その他 ()

基礎年金番号 (10桁) で届出する場合は「①個人番号」に左詰めで記入してください。

A. 被保険者

① 個人番号 (マイナンバー)	XXXXXXXXXX	② 生年月日	1990 10 10	⑤ 昭和		⑥ 平成	
③ 氏名	JOHN SMITH	⑦ 性別	男性	⑧ 国籍	1. 日本	⑨ 性別	男性
④ 基礎年金番号	1234567	⑩ 電話番号	080-XXXX-XXXX	⑪ 住所	TOKYO SUGINAMIKU TAKAIDONISHI 1-2-3		
⑫ 氏名	JOHN SMITH	⑬ 住所	U.S.A.	⑭ 氏名	太郎		

B. 届出 (申出) 事項

届出事項・番号	届出年月日	届出内容
① 届出 (本人)	2020 08 01	1. 国民年金 (共済含む) への移行 2. 任意加入対象者に該当 3. その他 4. 任意加入の届出
② 届出 (家族)	2020 09 30	1. 国民年金 (共済含む) への移行 2. 任意加入対象者に該当 3. その他 4. 任意加入の届出
③ 届出 (死亡)		1. 国民年金 (共済含む) への移行 2. 任意加入対象者に該当 3. その他 4. 任意加入の届出

C. 届出事項

届出事項・番号	届出年月日	届出内容
11 住所変更届		変更前住所
12 氏名変更届		変更前氏名
13 死亡届		届出者遺族氏名

▶ Nếu ông/bà đã nhập cảnh vào Nhật Bản và đăng ký địa chỉ cư trú tại Nhật Bản, theo đó ông/bà cần đăng ký để được bảo hộ bởi hệ thống Hưu trí Quốc gia, vui lòng khoanh tròn điều 1. (đăng ký) tại mục ⑩. Điền ngày ông/bà đã đăng ký cư trú tại Nhật Bản (năm/tháng/ngày) tại mục ⑪. Khoanh tròn vào 11. (chuyển đến Nhật Bản) tại mục ⑫. (Vui lòng tham khảo mẫu nếu ông/bà đăng ký địa chỉ vào ngày 1 tháng 8 năm 2020.)

▶ Nếu ông/bà đã nghỉ việc tại một công ty, tức là chấm dứt việc tham gia bảo hiểm theo hệ thống Bảo hiểm Hưu trí cho người lao động hoặc hệ thống tương hỗ đã kết thúc và do đó ông/bà cần phải nộp đơn để được hỗ trợ bởi hệ thống Hưu trí Quốc gia, hãy khoanh tròn vào điều 1. (đăng ký) tại mục ⑩. Điền ngày ngay sau ngày ông/bà thôi việc (năm/tháng/ngày) tại mục ⑪. Khoanh tròn vào điều 3. (kết thúc EPI / MAA) tại mục ⑫. (Vui lòng tham khảo mẫu nếu ông/bà nghỉ việc tại công ty vào ngày 31 tháng 7 năm 2020.)

▶ Nếu ông/bà rời khỏi Nhật Bản, tức là không còn địa chỉ đã đăng ký tại Nhật Bản, hãy khoanh tròn vào điều 4. (rút tiền) tại mục ⑩. Điền ngày ngay sau ngày ông/bà khởi hành (yyyy / mm / dd) tại mục ⑪. Khoanh tròn vào điều 11. (rời khỏi Nhật Bản) tại mục ⑫. (Vui lòng tham khảo mẫu nếu ông/bà khởi hành từ Nhật Bản vào ngày 29 tháng 9 năm 2020.)

[Giấy tờ ông/bà cần xuất trình khi nộp đơn khai báo sử dụng “My Number” của ông/bà]

Nếu ông/bà nộp đơn có bao gồm My Number tại cơ quan hành chính địa phương, ông/bà cần xuất trình thẻ My Number. Trường hợp ông/bà không có thẻ, hãy xuất trình một trong các giấy tờ của mục (1) và mục (2) dưới đây; Nếu ông/bà gửi đơn khai báo qua đường bưu điện, hãy gửi kèm theo bản sao hai mặt của thẻ My Number. Trường hợp ông/bà không có thẻ, hãy gửi kèm theo bản sao của một trong các giấy tờ của mục (1) và mục (2) dưới đây;

- (1) Bản sao công chứng giấy đăng ký cư trú của ông/bà hiển thị mã số My Number, hoặc thư thông báo mã số My Number của ông/bà (nếu tên và địa chỉ đồng nhất với thông tin trên đăng kí cư trú), để chứng minh tính xác thực cho My Number của ông/bà.
- (2) Giấy phép lái xe, hộ chiếu, thẻ cư trú, hoặc giấy tờ tương đương khác để chứng minh ông/bà là chủ sở hữu chính thức của mã số. (Để biết thêm chi tiết, vui lòng liên hệ với Văn phòng Chi nhánh JPS.)

Đối với các câu hỏi về việc chi trả Bảo hiểm Hưu trí Quốc gia, vui lòng gọi các số (có dịch vụ thông dịch miễn phí): 0570-003-004 (quay số NAVI) 03-6630-2525 (nếu số điện thoại của ông/bà bắt đầu bằng 050)
Giờ phục vụ: Thứ Hai - Thứ Sáu: 8:30 - 19:00, Ngày thứ Bảy thứ 2 trong tháng: 9:30 - 16:00, trừ ngày nghỉ lễ quốc gia (ngoại trừ Thứ Bảy thứ 2 trong tháng) và từ 29 tháng 12 đến 3 tháng 1.